

Số: **1870**/KH-UBND

Quảng Trị, ngày **28** tháng **4** năm 2020

KẾ HOẠCH

Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 của tỉnh Quảng Trị

I. SỰ CẦN THIẾT

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại trong thế kỷ 21. Thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan đang gia tăng ở hầu hết các nơi trên thế giới, nhiệt độ và mực nước biển trung bình toàn cầu tiếp tục tăng nhanh chưa từng có và đang là mối lo ngại của các quốc gia trên thế giới. BĐKH sẽ tác động nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống và môi trường trên phạm vi toàn thế giới.

Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề của BĐKH và nước biển dâng (NBD). Theo các kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng được công bố năm 2016, so với thời kỳ 1986 – 2005, vào cuối thế kỷ 21, nhiệt độ trung bình năm ở nước ta tăng khoảng 2 – 3°C, tổng lượng mưa năm và lượng mưa mùa mưa tăng, trong khi đó lượng mưa mùa khô lại giảm, mực nước biển có thể dâng khoảng từ 75 cm đến 1 m. Nếu mực nước biển dâng cao 1 m, sẽ có khoảng 40% diện tích đồng bằng sông Cửu Long, 11% diện tích đồng bằng sông Hồng và 3% diện tích của các tỉnh khác thuộc vùng ven biển sẽ bị ngập, trong đó, thành phố Hồ Chí Minh sẽ bị ngập trên 20% diện tích; khoảng 10 - 12% dân số nước ta bị ảnh hưởng trực tiếp và tổn thất khoảng 10% GDP.

Quảng Trị là một tỉnh duyên hải miền Trung, những năm gần đây BĐKH đã làm gia tăng các loại hình thiên tai tại địa phương. Các vùng trũng thấp, vùng trung du, miền núi như các huyện Cam Lộ, Đakrông, Hướng Hóa là những nơi chịu ảnh hưởng lớn nhất bởi các loại hình thiên tai như lũ quét, lũ ống, sạt lở đất đá và cháy rừng; các huyện ven biển như Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng là những khu vực thường xuyên bị hạn hán và xâm nhập mặn.

Theo Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, vào giữa thế kỷ 21 (thời kỳ 2046-2065), nhiệt độ trung bình năm tỉnh Quảng Trị có khả năng tăng 1,4°C và tăng 1,9°C vào cuối thế kỷ 21 (thời kỳ 2080-2099) so với thời kỳ cơ sở 1986-2005 theo kịch bản RCP4.5. Theo kịch bản RCP8.5, nhiệt độ trung bình năm tỉnh Quảng Trị có khả năng tăng 1,9°C vào giữa thế kỷ và tăng 3,3 °C vào cuối thế kỷ so với thời kỳ cơ sở. Đối với lượng mưa, theo kịch bản RCP4.5, lượng mưa năm trung bình có khả năng tăng so với thời kỳ cơ sở là 16,6% vào giữa thế kỷ và 20,1% vào cuối thế kỷ, theo kịch bản RCP8.5, mức độ tăng là 16,8% vào giữa thế kỷ và 16,4% vào cuối thế kỷ. Bên cạnh đó, nếu mực nước biển dâng 100 cm, khoảng 2,61% diện tích của tỉnh Quảng Trị có nguy cơ bị ngập, trong đó các huyện có

nguy cơ ngập cao nhất là Hải Lăng (9,03% diện tích) và Triệu Phong (7,26% diện tích).

Ngày 31/10/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1670/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020, trong đó, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của các địa phương là một nhiệm vụ quan trọng trong giai đoạn này, kết quả thực hiện nhiệm vụ là cơ sở để Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu quốc gia. Vì vậy, việc cập nhật “Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 của tỉnh Quảng Trị” phù hợp với Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam năm 2016 cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới là hết sức quan trọng và cần thiết.

II. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

1. Các văn bản chỉ đạo cấp quốc gia

- Luật phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;
- Luật khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23/11/2015;
- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 21/01/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22/7/2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020;
- Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu;
- Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 30/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2015;
- Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;

- Quyết định số 1775/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới;

- Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 2359/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Hệ thống quốc gia về kiểm kê khí nhà kính;

- Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;

- Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 – 2020;

- Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

- Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 – 2020;

- Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 03/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai;

- Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 199/TTg-QHQT ngày 08/2/2017 về việc triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 22 của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu;

- Công văn số 4126/BTNMT-BĐKH ngày 11/8/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 811/QĐ-BXD ngày 23/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành xây dựng, giai đoạn 2016 – 2020;

- Quyết định số 2967/QĐ-BTNMT ngày 23/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020;

- Công văn số 180/BTNMT-KHTC ngày 12/01/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 – 2020.

2. Các văn bản chỉ đạo cấp tỉnh

- Chương trình hành động số 83-CTHĐ/TU ngày 19/12/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 7 Ban

Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 22/05/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2013-2015;

- Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 83-CTHĐ/TU ngày 19/12/2013 của Tỉnh ủy về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế phối hợp quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ “Cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Trị”;

- Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với BĐKH đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Trị;

- Kế hoạch số 3537/KH-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt “Đề án ứng phó tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến 2030”;

- Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 26/04/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ “Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 của tỉnh Quảng Trị”;

- Công văn số 5244/KH-UBND ngày 11/11/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

III. QUAN ĐIỂM

- Các nhiệm vụ ứng phó BĐKH của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cần tiến hành đồng thời thích ứng và giảm nhẹ, trong đó thích ứng với BĐKH, chủ động phòng, tránh thiên tai là trọng tâm;

- Các nhiệm vụ trong kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021-2030 được xây dựng trên cơ sở kế thừa các nội dung trong kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH đã được ban hành theo Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh và cập nhật thêm các nội dung mới trên cơ sở

Kế hoạch số 5244/KH-UBND ngày 11/11/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Nguồn lực cho các hoạt động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 của tỉnh Quảng Trị được thực hiện trên cơ sở có đầu tư của nhà nước, lồng ghép và tận dụng mọi nguồn lực, phát huy nội lực, tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế để tăng cường các hoạt động ứng phó hiệu quả;

- Hoạt động ứng phó với BĐKH cần được thực hiện trên cơ sở tiếp cận quản lý tổng hợp, liên ngành, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa các bên liên quan, có sự tham gia tích cực của cộng đồng và khối doanh nghiệp;

- Các hoạt động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 phải xuất phát từ yêu cầu thực tế, đáp ứng được cơ bản nhu cầu lồng ghép của địa phương, dễ triển khai thực hiện, phù hợp với trình độ, năng lực của cán bộ địa phương.

IV. MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH, đảm bảo được sự phát triển bền vững của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giảm nhẹ những hiểm họa do BĐKH, nước biển dâng gây ra.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xác định được các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu đối với quá trình phát triển của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Xác định được các giải pháp ưu tiên nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, lộ trình triển khai và nguồn lực thực hiện cho các giai đoạn (2021-2025, 2026-2030), tầm nhìn 2050;

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung vấn đề biến đổi khí hậu trong chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển ở cấp địa phương.

V. NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH

1. Lộ trình triển khai

1.1. Giai đoạn 2021 – 2025 (ngắn hạn)

- Phổ biến kiến thức nhằm nâng cao trách nhiệm của cộng đồng về thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, giảm phát thải khí nhà kính; cơ hội của biến đổi khí hậu; đóng góp do quốc gia tự quyết định; Thỏa thuận Paris, cơ hội và thách thức của Việt Nam cũng như các nỗ lực cùng cộng đồng quốc tế bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất;

- Nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu của các ngành, các cấp để có được kế hoạch ứng phó hiệu quả, kịp thời trước BĐKH;

- Tăng cường triển khai các hoạt động khoa học công nghệ thông qua các đề tài, dự án nghiên cứu về đánh giá tác động của BĐKH đến các ngành, lĩnh

vực, các vùng cụ thể cũng như những nghiên cứu về khả năng ứng phó với BĐKH các ngành, lĩnh vực và địa phương;

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách, chiến lược tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với hoàn cảnh trong nước và quốc tế;

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt, nước ngầm cho tỉnh.

1.2. Giai đoạn 2026 - 2030 (trung hạn)

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về BĐKH và ứng phó với những tác động của BĐKH;

- Xây dựng hệ thống giám sát BĐKH cho tỉnh;

- Đánh giá mức độ rủi ro và tính dễ bị tổn thương, xác định nhu cầu tăng cường năng lực thích ứng và các giải pháp cho các tổn thất và thiệt hại do BĐKH cho các vùng trong tỉnh;

- Xây dựng các nhiệm vụ liên quan đến thích ứng với BĐKH cho từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể, góp phần thực hiện công tác ứng phó với BĐKH một cách hiệu quả;

- Tăng cường xây dựng các chương trình, dự án liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể, góp phần vào thực hiện việc ứng phó với BĐKH một cách hiệu quả;

- Phát triển chương trình “Tiết kiệm năng lượng”, sử dụng nguồn năng lượng mới, sạch, vật liệu thích ứng với BĐKH, chương trình đào tạo các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với BĐKH;

- Tăng cường triển khai nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế trong ứng phó với BĐKH.

1.3. Giai đoạn sau năm 2030 (dài hạn)

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về BĐKH và ứng phó với những tác động của BĐKH;

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách, chiến lược tăng trưởng xanh và thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho từng ngành, từng lĩnh vực nhằm xây dựng và củng cố nền kinh tế các-bon thấp có khả năng chống chịu và thích ứng cao với các tác động của BĐKH;

- Tăng cường hợp tác quốc tế, khẳng định sự chủ động, nỗ lực của Quảng Trị trong ứng phó với BĐKH, vận động hỗ trợ quốc tế về tăng cường năng lực, tài chính, công nghệ để Quảng Trị ứng phó hiệu quả với các tác động của BĐKH.

2. Nhiệm vụ cho từng ngành, lĩnh vực

2.1. Đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản

a) Đối với lĩnh vực trồng trọt

- Cần nghiên cứu tuyển chọn, khảo nghiệm một số giống cây trồng phù hợp có khả năng chống chịu sâu bệnh hại, có khả năng thâm canh cao... thích ứng BĐKH tại Quảng Trị; Phục tráng và phát triển một số giống lúa địa phương thích nghi với ruộng một vụ, vùng nhiễm mặn và không chủ động tưới tiêu;

- Hướng dẫn người dân canh tác ngô, sắn bền vững trên đất dốc có sử dụng vật liệu che phủ bằng các tàn dư thực vật sắn có trên đồng ruộng để chống xói mòn rửa trôi đất canh tác nhờ đó hạn chế việc đốt phụ phẩm nông nghiệp nhằm tránh ô nhiễm môi trường và phòng chống cháy rừng;

- Phát triển và nhân rộng mô hình ủ phân hữu cơ từ rác thải, phụ phẩm nông nghiệp để bón cho cây trồng nhằm cải tạo đất, giảm ô nhiễm môi trường và giảm phát thải khí nhà kính, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng nông sản;

- Tiếp tục triển khai và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, bền vững bằng các phương thức canh tác mới, phù hợp: Quy trình sản xuất hữu cơ, an toàn thực phẩm, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); canh tác thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu...;

- Hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật bảo vệ đất trồng trọt, kỹ thuật sử dụng phân bón, thuốc BVTV an toàn và hiệu quả;

- Đánh giá, phân tích, đẩy mạnh công tác dự tính, dự báo ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng từ đó có những giải pháp kịp thời chủ động ứng phó và thích ứng;

- Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu tác động của BĐKH đến ngành trồng trọt để phục vụ mục tiêu lâu dài của công tác quy hoạch vùng sản xuất thích ứng với BĐKH.

b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi

- Chuyển đổi phương thức chăn nuôi quy mô nhỏ, phân tán sang chăn nuôi trang trại, hình thành vùng chăn nuôi tập trung gắn với bảo vệ môi trường, an toàn sinh học và ứng dụng công nghệ cao. Sử dụng kiểu mẫu chuồng trại thích ứng với BĐKH để có thể kiểm soát dịch bệnh và hạn chế ô nhiễm môi trường;

- Khuyến khích các hộ chăn nuôi lợn, gà, vịt,... theo Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong chăn nuôi (VietGAHP);

- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. Tăng cường công tác kiểm dịch động vật, kiểm soát vận chuyển và giết mổ gia súc, gia cầm;

- Tập huấn để nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống thú y từ tỉnh đến cơ sở, nhất là thú y xã;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ tiên tiến (công nghệ khí sinh học, đệm lót sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi làm phân bón hữu cơ sinh học) hướng đến chăn nuôi an toàn và bảo vệ môi trường;

- Hướng dẫn các hộ chăn nuôi tận dụng các chất thải trong chăn nuôi để làm phân bón phục vụ cho trồng trọt hạn chế ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí nhà kính.

c) Đối với lĩnh vực thủy sản

- Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản an toàn trước dịch bệnh, đầu tư nâng cấp hạ tầng các vùng nuôi tập trung. Sử dụng các chế phẩm công nghệ sinh học để đảm bảo nuôi thủy sản bền vững;

- Khuyến khích các hộ nuôi trồng thủy sản theo Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nuôi thủy sản (VietGAP);

- Tăng khả năng thích ứng thông qua các mô hình đồng quản lý nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ, xây dựng năng lực và quy chế quản lý có sự tham gia của cộng đồng và chính quyền các cấp, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản bền vững;

- Khuyến khích sử dụng ngư cụ, thiết bị phục vụ khai thác, nuôi trồng thủy sản bảo đảm tối ưu hóa nhiên liệu, tiết kiệm nguyên liệu nhờ đó giảm phát thải khí nhà kính;

- Nâng cấp hệ thống cấp thoát nước và xử lý ô nhiễm môi trường phục vụ nuôi trồng thủy sản nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

d) Đối với lĩnh vực lâm nghiệp

- Quản lý, bảo vệ và nâng cao độ che phủ, sinh khối và chất lượng rừng để tăng khả năng hấp thụ các-bon tại các vùng sinh thái có rừng;

- Phối hợp, hỗ trợ các Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh phát triển mô hình lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng, mô hình nông lâm kết hợp, mô hình kết hợp sản xuất lương thực và năng lượng trong lâm nghiệp để nâng cao hiệu quả kinh tế rừng.

đ) Đối với lĩnh vực thủy lợi

- Xác định nguyên nhân và đề xuất các giải pháp chống sạt lở bờ sông, suối, phòng chống hạn hán;

- Xây dựng và nâng cấp các tuyến đê biển, đê sông tại các khu vực xung yếu thường xuyên chịu tác động của BĐKH như xã Vĩnh Thái, Vĩnh Thạch huyện Vĩnh Linh, xã Triệu Ái, Triệu Giang huyện Triệu Phong. Từng bước xây dựng và nâng cấp các tuyến đê biển ở vùng ven biển nhằm bảo vệ các khu vực kinh tế trọng điểm;

- Đầu tư xây dựng hệ thống cảnh báo sớm thiên tai, thiết bị giám sát mực nước, lượng mưa tự động ở đầu nguồn các lưu vực, thung lũng khu dân cư sinh sống và sản xuất, các hồ chứa để chủ động ứng phó với BĐKH, phòng chống thiên tai;

- Khai thác tổng hợp tiềm năng và phát huy lợi thế các công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu;

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai;

- Nhân rộng, tăng cường thực hiện mô hình tưới tiết kiệm, rút nước mặt ruộng trong canh tác lúa, phương pháp tưới nhỏ giọt (áp dụng công nghệ tưới

nhỏ giọt ISRAEL) và tưới phun mưa cho các vùng sản xuất cà phê, cây ăn quả, rau màu... có giá trị kinh tế cao tại các vùng chuyên canh;

- Xây dựng và nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước mưa tại các đoạn đường trong thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị hay xảy ra ngập nước khi mưa lớn;

- Xây dựng kè chống sạt lở bằng một số loài cây bản địa như tre, nứa... tại một số điểm xảy ra sạt lở ở các huyện miền núi Đakrông, Hướng Hóa;

- Xây dựng các hồ điều hòa ở khu vực thành phố Đông Hà nhằm giảm lũ, ngập lụt cho thành phố;

- Triển khai các biện pháp tiết kiệm năng lượng bơm tưới và hệ thống thiết bị sử dụng trong thủy lợi.

2.2. Đối với lĩnh vực tài nguyên nước

- Nâng cấp và nạo vét hồ chứa nhằm giảm lũ, ngập lụt và tăng khả năng tích nước. Xây dựng hệ thống liên hồ để đảm bảo an ninh nguồn nước;

- Ứng dụng các công nghệ mới trong lĩnh vực xử lý nước phục vụ sinh hoạt cũng như xử lý nước thải của các loại hình sản xuất trước khi thải ra nguồn tiếp nhận;

- Tăng cường công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất từ đó định hướng quản lý khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên nước dưới đất;

- Xây dựng hệ thống tuần hoàn và tái sử dụng, sử dụng tiết kiệm nước mặt trong các cơ sở sản xuất cũng như hộ gia đình. Ứng dụng tuần hoàn sử dụng nước thải sản xuất trong công nghiệp khai thác và chế biến đá.

2.3. Đối với lĩnh vực tài nguyên đất

- Quy hoạch và tăng cường quản lý, sử dụng đất phù hợp với tài nguyên khí hậu, khai thác triệt để các vùng đất trồng có tiềm năng sản xuất nông, lâm nghiệp;

- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở những vùng không có khả năng sản xuất hoặc sản xuất nông nghiệp không hiệu quả, các vùng đất sản xuất nông nghiệp bị hạn nên chuyển sang phát triển du lịch sinh thái;

- Phát triển lớp phủ thực vật trên đất thông qua việc trồng rừng và bảo vệ rừng, khai thác sử dụng đất hợp lý, đặc biệt là các vùng đất dốc, rừng đầu nguồn;

- Căn cứ vào điều kiện sinh trưởng của cây trồng để nghiên cứu tăng số cây trên một đơn vị diện tích một cách phù hợp, vừa chống được xói mòn lại vừa tăng sản lượng;

- Dùng vật liệu che phủ gốc cây để tăng cường giữ nước, giữ ẩm, chống xói mòn bề mặt đất, đặc biệt là ở các khu vực hay xảy ra tình trạng sạt lở đất như các huyện Cam Lộ, Đakrông, Hướng Hóa...

- Luân canh hợp lý giữa cây rễ nông với cây rễ sâu, rễ cây phàm ăn như ngô với cây ít phàm ăn (cây họ đậu) để tận dụng được chất dinh dưỡng ở độ sâu khác nhau, đồng thời bổ sung chất dinh dưỡng cho nhau, khôi phục được độ phì của đất, làm cho đất tơi xốp, có thể dự trữ được nước, chống được xói mòn, do đó đảm bảo tăng được sản lượng;

- Giữ nguyên rừng và trồng rừng phòng hộ bổ sung nhằm ngăn cản gió bão chống xói lở đê. Thực vật, đặc biệt là thực vật rừng, nhờ có hệ rễ giữ đất, giữ nước.

2.4. Đối với lĩnh vực công nghiệp và xây dựng

- Đẩy mạnh phát triển đô thị xanh công trình xanh, sản xuất vật liệu và công nghệ xây dựng thân thiện với môi trường. Lòng ghép ứng phó BĐKH trong quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị, vật liệu xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Điều chỉnh kế hoạch phát triển công nghiệp phù hợp với tình hình BĐKH. Đối với các KCN đang quy hoạch cần thực hiện việc đánh giá tác động của BĐKH đến khu công nghiệp và lên phương án thực hiện xây dựng có tích hợp ứng phó với BĐKH. Các KCN/CCN được quy hoạch xây dựng vùng trũng cần xem xét lại vị trí xây dựng cần thiết thì sẽ di chuyển đến các khu vực an toàn hơn;

- Xây dựng các công trình bằng các vật liệu tại chỗ, công nghệ cao, kết hợp với chất phụ gia để tăng độ bền cho công trình; sơn phủ chống ăn mòn sắt thép trước khi đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng thường xuyên tiếp xúc với môi trường tự nhiên; sử dụng bê tông nhẹ trong xây dựng các công trình khi xây dựng các KCN trên nền đất yếu;

- Nghiên cứu phát triển các giải pháp về cải tiến thiết bị nâng cao hiệu suất, thay đổi quy trình vận hành điều hướng tới việc sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm, giảm chi phí sản xuất và tăng tính cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá;

- Chuyển đổi nguồn cung cấp năng lượng từ hoá thạch sang các dạng năng lượng tái tạo, sử dụng các dạng năng lượng được coi là không phát thải khí nhà kính như thuỷ điện, năng lượng mặt trời, điện gió, điện từ rác thải...;

- Nghiên cứu và ứng dụng giải pháp công nghệ giảm phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị, xây dựng công trình kiến trúc đô thị theo hướng công trình xanh, tiết kiệm năng lượng, đô thị xanh, sinh thái, bền vững;

- Xây dựng nhà tránh trú bão, nhà cộng đồng giúp người dân có nơi trú ẩn khi xảy ra bão, lụt;

- Xây dựng các công trình nhà ở với cốt nền cao hơn so với mốc lũ lịch sử tại các khu vực có nguy cơ ngập lụt cao ở huyện Cam Lộ, Triệu Phong, thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị;

- Kiểm tra, rà soát, tổng hợp đề đề xuất sửa đổi, ban hành các tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng các công trình nhằm thích ứng, giảm nhẹ và tăng cường khả năng chống chịu các tác động của BĐKH;

- Xây dựng, ban hành các chính sách ưu tiên, hỗ trợ phát triển, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo; chuyển đổi nguyên, nhiên vật liệu đầu vào theo hướng “các-bon-thấp” trong sản xuất vật liệu xây dựng công trình; phát triển vật liệu và sản phẩm xây dựng xanh (Tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và giảm thiểu ô nhiễm); xây dựng tiêu chuẩn, quy trình và thực hiện đảm nhận năng lượng cho vật liệu xây dựng.

2.5. Đối với lĩnh vực giao thông vận tải

- Rà soát và cập nhật hệ thống quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành xây dựng công trình giao thông theo hướng có xét đến tác động ảnh hưởng của BĐKH;

- Xây dựng các công trình giao thông nhằm hỗ trợ cho các phương án di dân khi xảy ra thiên tai;

- Triển khai các dự án nạo vét luồng lạch tại cảng Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh), Cửa Việt (xã Gio Việt, huyện Gio Linh), nhằm giúp tàu thuyền lưu thông một cách thuận lợi, hạn chế việc ách tắc do bị mắc cạn. Xây dựng các trạm cảnh báo bão vùng ven biển tại các khu vực tập trung nhiều tàu thuyền như huyện Vĩnh Linh, Gio Linh...;

- Trong điều kiện kinh tế cho phép từng bước kiên cố hoá taluy (mái dốc được tạo ra do xây dựng các công trình) hoặc trồng cây xanh, thảm thực vật để bảo vệ nền đường, mô cầu;

- Xem xét tác động ảnh hưởng của BĐKH như là một nội dung bắt buộc ngay trong giai đoạn quy hoạch, lập dự án, thiết kế xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng giao thông;

- Khuyến khích phát triển các loại phương tiện sử dụng ít hoặc không sử dụng nhiên liệu hóa thạch; tăng cường kiểm soát khí thải từ các phương tiện giao thông, kiểm soát ô nhiễm không khí từ hoạt động giao thông vận tải;

- Tăng cường giáo dục cộng đồng nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường lĩnh vực giao thông vận tải. Phát triển giao thông công cộng để giảm bớt lưu lượng xe và khí thải. Khuyến khích phát triển các loại phương tiện sử dụng ít hoặc không sử dụng nhiên liệu hóa thạch, đẩy mạnh nghiên cứu và sử dụng nhiên liệu tái tạo trong các phương tiện vận tải. Rút ngắn lộ trình của các phương tiện giao thông bằng cách cải cách các thủ tục hành chính nhằm giảm nhu cầu đi lại, tăng cường sử dụng liên lạc viễn thông.

2.6. Đối với lĩnh vực du lịch, dịch vụ

- Điều chỉnh quy hoạch các hoạt động du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa phi vật thể phù hợp với điều kiện BĐKH;

- Lắp đặt các bảng điện tử thông báo tình hình thời tiết tại các điểm du lịch trọng yếu của tỉnh giúp du khách cập nhật tình hình thời tiết;

- Tuyên truyền, phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức và đào tạo nguồn nhân lực cho ngành du lịch. Tổ chức các chương trình tập huấn, hội nghị, hội thảo chuyên đề, trao đổi kinh nghiệm trong nước và quốc tế về BĐKH và các giải pháp ứng phó trong ngành du lịch;

- Tăng cường giáo dục cộng đồng nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân, nhất là dân cư các điểm du lịch. Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thu hút khách du lịch;

- Trong quá trình lập, phê duyệt, cấp phép đầu tư xây dựng hạ tầng cần có sự tham mưu, tư vấn của các nhà quản lý/chuyên gia về BĐKH trong khâu thiết

kế, lựa chọn cao trình xây dựng trên cơ sở tính toán tới khả năng ảnh hưởng do BĐKH cho phù hợp. Bên cạnh đó cần nâng cao năng lực thẩm định các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại của các cơ quan cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng; Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường; rà soát, điều chỉnh lại các quy hoạch phát triển hạ tầng cơ sở thương mại, dịch vụ do Trung ương và địa phương đầu tư;

- Các cơ sở hạ tầng thương mại chủ yếu nằm trong diện có nguy cơ ảnh hưởng, tác động của yếu tố BĐKH cần phải được cân nhắc, xem xét di dời hoặc có biện pháp xử lý kỹ thuật trong quá trình cải tạo, nâng cấp hay xây mới. Các cơ sở hạ tầng thương mại hiện có nằm trong diện bị ảnh hưởng, tác động của yếu tố BĐKH cần phải được gia cố, nâng cấp.

2.7. Đối với lĩnh vực y tế và sức khỏe cộng đồng

- Xây dựng hệ thống cảnh báo tình hình dịch bệnh trong bối cảnh biến đổi khí hậu, xây dựng và triển khai các hoạt động cấp cứu ứng phó với các thảm họa, thiên tai (tai nạn, chấn thương, dịch bệnh...), xây dựng và lựa chọn các mô hình cung cấp dịch vụ y tế ứng phó với thiên tai, thảm họa do BĐKH gây nên;

- Xây dựng và triển khai các mô hình chăm sóc sức khỏe cộng đồng như nước sạch và vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân, chăm sóc sức khỏe ban đầu, thích ứng với biến đổi khí hậu tại các vùng bị ảnh hưởng;

- Tổ chức các cuộc diễn tập của ngành y tế thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu; phổ biến, quán triệt các chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước và ngành y tế về công tác ứng phó với BĐKH cho tất cả các đơn vị trong ngành y tế;

- Tổ chức các hoạt động truyền thông cho cán bộ, nhân viên ngành y tế và cộng đồng về BĐKH và các biện pháp ứng phó. Đa dạng hóa các nội dung và hình thức tuyên truyền nhằm chuyển tải hiệu quả các thông điệp bảo vệ sức khỏe thông quan giảm thiểu và thích ứng với BĐKH tới cộng đồng; xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật về giám sát, phát hiện, dự phòng và điều trị các bệnh tật do BĐKH gây ra;

- Kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý trên cơ sở hệ thống mạng lưới cán bộ từ trung ương đến địa phương thực hiện nhiệm vụ ứng phó với BĐKH ngành y tế.

2.8. Đối với lĩnh vực giáo dục

- Tích hợp nội dung giáo dục BĐKH vào trong giảng dạy tại các trường phổ thông, hướng nghiệp dạy nghề, cao đẳng và đại học trong toàn tỉnh;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền tại các Sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức xã hội triển khai với nhiều hình thức, nội dung phong phú và đa dạng, qua đó từng bước nâng cao nhận thức của người dân về những tác động nguy hại, các giải pháp phòng ngừa khi có hiện tượng khí hậu cực đoan xảy ra;

- Thông qua các hoạt động tập huấn, các hội thi về BĐKH, phổ biến các giải pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai, ứng phó với BĐKH;

- Các cấp, ngành, địa phương trong tỉnh cần thường xuyên đánh giá, rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác tuyên truyền và xác định mục tiêu, giải pháp tuyên truyền làm sao cho phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương nhằm thay đổi những hành vi, lối sống của người dân tại các cộng đồng theo hướng thân thiện với môi trường;

- Cần tiếp tục kiện toàn, nhân rộng các mô hình, phong trào ứng phó với BĐKH có hiệu quả trong thời gian qua của tỉnh hoặc các địa phương lân cận...

3. Nhiệm vụ ưu tiên

Các nhiệm vụ ưu tiên được thể hiện tại phần Phụ lục kèm theo.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về cơ chế chính sách và tổ chức quản lý

a) Tăng cường năng lực tổ chức, quản lý của các Sở, ban, ngành liên quan trong tỉnh về BĐKH và các vấn đề liên quan đến ứng phó với BĐKH;

b) Đẩy mạnh các hoạt động ứng phó BĐKH trong các ngành/lĩnh vực ở các tiểu vùng khác nhau;

c) Đẩy mạnh phối hợp, tham gia của các cơ quan liên quan như Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc thực hiện kế hoạch, phân bổ nguồn lực và tổ chức thực hiện kế hoạch.

2. Giải pháp khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

a) Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ về ứng phó với BĐKH trong các ngành/lĩnh vực một cách hiệu quả. Các Sở, ban, ngành đặc biệt là Sở Khoa học và Công nghệ, tiến hành triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên sâu về BĐKH và các giải pháp ứng phó với BĐKH;

b) Ưu tiên đầu tư kinh phí và vật chất nếu có cho công tác nâng cấp các hệ thống hạ tầng, các đánh giá tác động của BĐKH đến các ngành, lĩnh vực một cách chuyên sâu nhằm tăng khả năng ứng phó với BĐKH trong toàn tỉnh;

c) Cần có phương án tiếp cận và sử dụng hiệu quả nguồn tài trợ của quốc tế trong các vấn đề liên quan đến BĐKH, vấn đề chuyên gia công nghệ; tăng cường năng lực; đề xuất các hướng tài trợ nhằm huy động tối đa sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực BĐKH trên địa bàn nhằm mang lại những giải pháp ứng phó hữu hiệu và có hiệu quả kinh tế cao.

3. Giải pháp về đào tạo, thông tin tuyên truyền

a) Xây dựng kế hoạch cho cán bộ quản lý nâng cao trình độ kiến thức về BĐKH và các kỹ thuật thích ứng với BĐKH bằng việc kết hợp đào tạo hoặc nhờ các chuyên gia, đơn vị nghiên cứu chuyên sâu hỗ trợ để có đội ngũ hiểu biết về BĐKH nhằm tuyên truyền và nâng cao nhận thức trong cộng đồng;

b) Tổ chức các lớp tập huấn về BĐKH và giải pháp ứng phó với BĐKH cho các đơn vị trong các ngành/lĩnh vực từ cấp sở đến cấp huyện để triển khai rộng rãi xuống xã, thôn, hộ gia đình khi dự báo có nguy cơ ảnh hưởng bởi thiên tai;

c) Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền thông tin nhằm nâng cao nhận thức của các cấp quản lý và người dân về BĐKH và kỹ thuật thích với BĐKH nói chung.

4. Giải pháp về tài chính

a) Huy động và tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ Nhà nước thông qua các dự án liên quan đến BĐKH trọng điểm tại địa phương, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên đất, giao thông và hạ tầng kỹ thuật;

b) Huy động nguồn tài chính của các tổ chức phi chính phủ thông qua các chương trình liên quan đến nâng cao năng lực cho cán bộ kỹ thuật, các dự án phát triển và nhân rộng mô hình thích ứng, các dự án hỗ trợ sinh kế, đặc biệt là tại các địa bàn có nguy cơ ảnh hưởng cao do BĐKH và những địa phương chịu nhiều ảnh hưởng của BĐKH;

c) Cần có sự hỗ trợ, phân bổ kinh phí cho hoạt động ứng phó với BĐKH trong các ngành trọng điểm cũng như cần phải có kế hoạch lồng ghép kế hoạch ứng phó với BĐKH vào các kế hoạch phát triển của ngành thông qua các dự án phát triển cụ thể;

d) Khuyến khích và xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp tham gia đầu tư vào phát triển kinh tế - xã hội thông qua các dự án ứng phó với BĐKH trong các ngành/lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

5. Giải pháp về kiểm tra, giám sát và đánh giá

a) Cấp tỉnh:

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch; chịu trách nhiệm giám sát, đánh giá việc triển khai trên địa bàn tỉnh; định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện để UBND tỉnh báo cáo Văn phòng Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với Sở, ban, ngành thuộc tỉnh: Có trách nhiệm giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp chung.

b) Cấp huyện, thị xã, thành phố:

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm giám sát, đánh giá việc triển khai trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố; định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình thực hiện để UBND huyện, thị xã, thành phố báo cáo UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp chung.

c) Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác tham gia vào việc giám sát, đánh giá độc lập việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Làm cơ quan đầu mối, tổ chức theo dõi, giám sát, báo cáo đánh giá quá trình thực hiện Kế hoạch.



- Tổ chức giám sát thực hiện Kế hoạch: Đánh giá việc triển khai các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch; phối hợp các Sở, ban, ngành liên quan tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch. Định kỳ trước ngày 31 tháng 10 hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Văn phòng Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan về kết quả thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tìm kiếm, huy động, lồng ghép, cân đối các nguồn vốn, tổng hợp nhu cầu kinh phí, trình UBND tỉnh theo quy định để triển khai Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở dự toán triển khai thực hiện Kế hoạch này của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố (trong đó phân định rõ nguồn kinh phí thực hiện gồm: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương...); căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính kiểm tra, tổng hợp vào dự toán ngân sách tỉnh, báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh phê duyệt theo quy định.

4. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp liên quan

- Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và đơn vị liên quan chủ trì và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Mục 5 và Phụ lục. Căn cứ vào Kế hoạch, tiến hành xây dựng Kế hoạch chi tiết đối với từng ngành;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, các Sở, ban, ngành chủ động xây dựng các nhiệm vụ cấp tỉnh theo danh mục các nhiệm vụ, dự án triển khai Kế hoạch, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp theo quy định;

- Căn cứ các nhiệm vụ trong Kế hoạch, các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chủ động xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, dự toán kinh phí thực hiện để làm cơ sở xác định và bố trí ngân sách và đề nghị Trung ương, các tổ chức quốc tế hỗ trợ kinh phí thực hiện;

- Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện tới UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 15/10 hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất.

Trên đây là Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 của tỉnh Quảng Trị; trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo. /.

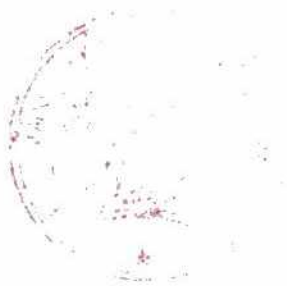
Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Các Sở, ban, ngành (t/h);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng





PHỤ LỤC:
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TỈNH QUẢNG TRỊ
GIẢI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN 2050
(Xem theo Kế hoạch số 1830/KH-UBND ngày 28 / 4 /2020 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên nhiệm vụ và mức độ ưu tiên	Mục tiêu, kết quả chính cần đạt được	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính
I	Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (5 NV)					
1	Thúc đẩy sự chuyển đổi công nghệ đèn cao áp, mental – highlight sang đèn LED (COB) trên các tàu đánh bắt xa bờ tại các huyện ven biển Ưu tiên cao	Thay thế hệ thống đèn cao áp hiện hữu bằng đèn LED công nghệ COB với tiêu chuẩn Nhật Bản cho các tàu đánh bắt xa bờ trên địa bàn tỉnh	78,14	Sở Khoa học và Công nghệ	2020	NSNN; HTQT; XHH
2	Nghiên cứu tiềm năng và đề xuất giải pháp sản xuất các sản phẩm phân hủy sinh học từ các phế phụ phẩm nông nghiệp của tỉnh. Ưu tiên cao	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất các sản phẩm túi, bao bì phân hủy sinh học; - Đăng ký và chuyển giao công nghệ cho đơn vị sản xuất để đưa vào sản xuất hàng loạt. 	2,0	Sở Khoa học và Công nghệ	2021-2025	NSNN
3	Tính toán và cập nhật phát thải KNK của tỉnh Quảng Trị định kỳ 02 năm một lần Ưu tiên cao	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện QĐ 2053/QĐ-TTg và yêu cầu của Thỏa thuận Paris; - Kiểm kê được các hoạt động phát thải KNK của các lĩnh vực: Giao thông, quy hoạch đô thị và xây dựng, tài nguyên rừng, năng lượng; nông nghiệp; LULUCF các quá trình công nghiệp và chất thải. 	2,5	Sở Tài nguyên và Môi trường	Kiểm kê từ năm 2020, hoàn thành vào các năm tương ứng	NSNN
4	Xây dựng dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và TTX phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA) cho các lĩnh vực: năng lượng; giao thông; chất thải; quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm; nông nghiệp, lâm nghiệp của tỉnh. Ưu tiên cao	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được dự án có tiềm năng giảm phát thải KNK và TTX cho các lĩnh vực năng lượng; giao thông; chất thải; quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm; nông nghiệp, lâm nghiệp của tỉnh; - Điều tra khảo sát các lĩnh vực, xây dựng danh mục kế hoạch thích ứng trên địa bàn tỉnh; - Danh mục nhiệm vụ/ dự án ưu tiên thích ứng với biến đổi khí hậu. 	2,0	Sở Tài nguyên và Môi trường	T ĐỊNH VÀ	NSNN; HTQT

STT	Tên nhiệm vụ và mức độ ưu tiên	Mục tiêu, kết quả chính cần đạt được	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính
5	Xây dựng bộ tiêu chí TTX và chương trình giám sát TTX tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2030 Ưu tiên cao	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được bộ tiêu chí xanh hóa sản xuất; thực hiện một chiến lược công nghiệp sạch thông qua rà soát, điều chỉnh những quy hoạch ngành hiện có; sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên; khuyến khích phát triển công nghệ xanh, nông nghiệp xanh; - Xây dựng được bộ tiêu chí xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững; kết hợp lối sống đẹp truyền thống với những phương tiện văn minh hiện đại 	0,5	Sở Tài nguyên và Môi trường	2021-2022	NSNN; HTQT
II	Thích ứng với biến đổi khí hậu (47 NV)					
6	Nghiên cứu lai tạo và khảo nghiệm giống cây trồng, vật nuôi thích hợp cho các vùng dễ bị tổn thương cao do biến đổi khí hậu và nước biển dâng ở tỉnh Quảng Trị Ưu tiên cao	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các vùng dễ bị tổn thương của tỉnh; - Nghiên cứu, lai tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp và có khả năng thích ứng với BĐKH và đưa vào sản xuất thử nghiệm; - Tìm ra chiến lược lâu dài trong việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững về nông nghiệp trong thời gian tới. 	3,0	Sở Khoa học và Công nghệ	2020-2022	NSNN; HTQT; XHH
7	Xây dựng bản đồ ngập lụt, sạt lở tại các hệ thống sông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị Ưu tiên cao	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ và phòng chống ngập lụt, sạt lở; - Bản đồ ngập lụt, sạt lở tại các hệ thống sông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị 	2,0	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thực hiện cho cả giai đoạn	NSNN; HTQT
8	Xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó với thiên tai trên địa bàn tỉnh Ưu tiên cao	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch, phương án ứng phó với thiên tai trên địa bàn tỉnh. 	1,0	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thực hiện cho cả giai đoạn	NSNN; HTQT

STT	Tên nhiệm vụ và mức độ ưu tiên	Mục tiêu, kết quả chính cần đạt được	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính
9	Đầu tư nâng cấp, củng cố, sửa chữa hệ thống đề biến tỉnh Quảng Trị theo nguồn vốn trung hạn (2016-2020) với chiều dài 24,23km Ưu tiên cao	Đầu tư nâng cấp, củng cố, sửa chữa hệ thống đề biến tỉnh Quảng Trị theo nguồn vốn trung hạn (2016-2020) với chiều dài 24,23km.	300	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thực hiện cho cả giai đoạn	NSNN; HTQT
10	Thực hiện Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư Ưu tiên cao	Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư (1.500 hộ) trong điều kiện biến đổi khí hậu.	50	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thực hiện cho cả giai đoạn	NSNN; HTQT
11	Nghiên cứu thiết lập hệ thống mô hình độ phân giải cao phục vụ dự báo thời tiết và các hiện tượng cực đoan chính cho tỉnh Quảng Trị Ưu tiên cao	- Xây dựng được bộ công cụ phân tích sản phẩm dự báo khí hậu và thiên tai phục vụ trực tiếp công tác quản lý và ra quyết định ở tỉnh Quảng Trị; - Tăng cường công tác khai thác thông tin dự báo, cảnh báo khí hậu và thiên tai mùa trong quản lý và ra quyết định tại tỉnh Quảng Trị.	2,0	Sở Tài nguyên và Môi trường	2021-2022	NSNN
12	Xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 Ưu tiên cao	- Xây dựng mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng hiện đại, khoa học; - Nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo hiện tượng KTTV nguy hiểm, phục vụ tốt công tác phòng chống thiên tai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.	0,5	Sở Tài nguyên và Môi trường	2020	NSNN
13	Xây dựng cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu cho tỉnh Quảng Trị Ưu tiên cao	- Xây dựng hệ thống CSDL về BĐKH cho tỉnh; - Nâng cao năng lực quản lý, giám sát và tăng cường khả năng ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, CLQG về BĐKH và nhằm đảm bảo tính thống nhất và bao quát trong việc triển khai	2,5	Sở Tài nguyên và Môi trường	2020-2021	NSNN

STT	Tên nhiệm vụ và mức độ ưu tiên	Mục tiêu, kết quả chính cần đạt được	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính
14	Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của hoạt động đánh bắt thủy sản do BĐKH tại tỉnh Quảng Trị và đề xuất giải pháp đối phó Ưu tiên cao	- Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương; - Đánh giá khả năng thích ứng; - Đề xuất giải pháp ứng phó.	1,5	Sở Tài nguyên và Môi trường	2020	NSNN
15	Tăng cường năng lực cảnh báo, dự báo thiên tai trong bối cảnh BĐKH và nước biển dâng ở tỉnh Quảng Trị Ưu tiên cao	- Tăng dày mật độ trạm quan trắc KTTV trên địa bàn tỉnh; - Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ phụ trách.	50	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thực hiện cho cả giai đoạn	NSNN; HTQT
16	Quy hoạch phát triển các khu du lịch và dịch vụ du lịch biển tỉnh Quảng Trị gắn với sự biến đổi khí hậu, nước biển dâng Ưu tiên cao	Quy hoạch phát triển các khu du lịch và dịch vụ du lịch biển tỉnh Quảng Trị gắn với sự biến đổi khí hậu, nước biển dâng	2,0	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2020-2022	NSNN; HTQT
17	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Thạch Hãn đoạn qua địa bàn phường 1 Ưu tiên cao	Kè chống sạt lở bờ sông, ổn định cuộc sống người dân	35	UBND thị xã Quảng Trị	2021-2030	NSNN
18	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Vĩnh Định Ưu tiên cao	Kè chống sạt lở bờ sông, ổn định cuộc sống người dân	30	UBND thị xã Quảng Trị	2021-2030	NSNN
19	Ứng dụng kỹ thuật công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn thị xã Quảng Trị Ưu tiên cao	Nghiên cứu, ứng dụng mô hình nông nghiệp thông minh (CSA) vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thị xã	2,0	UBND thị xã Quảng Trị	2021-2030	NSNN

STT	Tên nhiệm vụ và mức độ ưu tiên	Mục tiêu, kết quả chính cần đạt được	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính
20	Đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các xã ven biển trên địa bàn huyện Gio Linh Ưu tiên cao	Đầu tư hệ thống cấp nước tập trung và đường ống về các khu dân cư, đảm bảo nguồn nước sinh hoạt cho nhân dân. Hạn chế ảnh hưởng của xâm nhập mặn.	5,0	UBND huyện Gio Linh	2021-2025	NSNN; HTQT
21	Xây dựng kè dọc sông Bến Hải, sông Thạch Hãn đoạn qua địa phận Gio Linh Ưu tiên cao	- Xây dựng kè một số đoạn còn lại; - Hạn chế sạt lở, gây ảnh hưởng đến hoa màu, nhà cửa của nhân dân.	50	UBND huyện Gio Linh	2021-2025	NSNN; HTQT
22	Điều tra, đánh giá khả năng xâm nhập mặn của hạ lưu sông Bến Hải, sông Thạch Hãn ảnh hưởng đến nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp và đề xuất các giải pháp giảm thiểu Ưu tiên cao	Đánh giá khả năng xâm nhập mặn, đề xuất các giải pháp đối với sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.	1,0	UBND huyện Gio Linh	2021-2030	NSNN; HTQT
23	Đánh giá tác động của BĐKH đến vấn đề ngập lụt trên địa bàn huyện và KHHD UP BĐKH trong vấn đề chống ngập Ưu tiên cao	- Đánh giá tác động của BĐKH đối với ngập lụt, xây dựng bản đồ rủi ro ngập lụt và các rủi ro khác; - Đề xuất các giải pháp chủ động thích ứng phù hợp.	4,0	UBND huyện Hải Lăng	2021-2022	NSNN
24	Đánh giá tác động của BĐKH và xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Nhùng Ưu tiên cao	- Đánh giá tác động của BĐKH đối với nguồn nước sông Nhùng; - Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông.	50	UBND huyện Hải Lăng	2021-2025	NSNN
25	Cung cấp nước sinh hoạt cho người dân các xã vùng lìa huyện Hướng Hóa Ưu tiên cao	- Xây dựng nhà máy cung cấp nước sinh hoạt cho các xã vùng lìa; - Phục vụ đời sống dân sinh cho các hộ dân ở các xã vùng lìa huyện Hướng Hóa.	70	UBND huyện Hướng Hóa	2020-2025	NSNN; HTQT; XHH

STT	Tên nhiệm vụ và mức độ ưu tiên	Mục tiêu, kết quả chính cần đạt được	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính
26	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Thạch Hãn đoạn qua địa bàn xã Triệu Giang Ưu tiên cao	Kè chống sạt lở bờ sông, ổn định cuộc sống người dân	35	UBND huyện Triệu Phong	2021-2030	NSNN
27	Đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các xã ven biển trên địa bàn huyện Triệu Phong Ưu tiên cao	Đầu tư hệ thống cấp nước tập trung và đường ống về các khu dân cư, đảm bảo nguồn nước sinh hoạt cho nhân dân. Hạn chế ảnh hưởng của xâm nhập mặn	5,0	UBND huyện Triệu Phong	2021-2025	NSNN; HTQT
28	Đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Cửa Tùng, các xã ven biển trên địa bàn huyện Vĩnh Linh Ưu tiên cao	Đầu tư hệ thống cấp nước tập trung và đường ống về các khu dân cư, đảm bảo nguồn nước sinh hoạt cho nhân dân. Hạn chế ảnh hưởng của xâm nhập mặn	5,0	UBND huyện Vĩnh Linh	2021-2025	NSNN; HTQT
29	Xây dựng kè dọc sông Bến Hải đoạn qua địa phận Vĩnh Linh Ưu tiên cao	- Hạn chế sạt lở, gây ảnh hưởng đến hoa màu, nhà cửa của nhân dân.	50	UBND huyện Vĩnh Linh	2021-2025	NSNN; HTQT
30	Phục hồi diện tích san hô bị tẩy trắng Ưu tiên trung bình	- Đào tạo kỹ thuật nuôi cấy san hô, kỹ năng lặn biển; - Nâng cao nhận thức đề người dân có ý thức bảo vệ và đồng quản lý san hô; - Thực hiện trồng lại diện tích san hô bị chết.	2,5	BQL Khu bảo tồn biển đảo Côn Cò	2021-2030	NSNN; HTQT
31	Xây dựng mô hình du lịch cộng đồng tại đảo Côn Cò (Homestay) Ưu tiên trung bình	- Hỗ trợ xây dựng nhà ở du lịch Homestay, tạo sinh kế bền vững cho người dân trên đảo; - Hỗ trợ nâng cao năng lực phát triển du lịch cho người dân (đào tạo đầu bếp, thuyền trưởng, hướng dẫn viên du lịch).	2,5	BQL Khu bảo tồn biển đảo Côn Cò	2021-2030	NSNN; HTQT

STT	Tên nhiệm vụ và mức độ ưu tiên	Mục tiêu, kết quả chính cần đạt được	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính
32	Khảo sát, đánh giá tác động của BĐKH và NBD đến hoạt động sản xuất công nghiệp và đề xuất giải pháp ứng phó Ưu tiên trung bình	- Xác định, đánh giá độ nhạy cảm, khả năng tác động của BĐKH đến các hoạt động sản xuất công nghiệp; - Đề xuất giải pháp ứng phó với BĐKH trước mắt và lâu dài cho ngành.	0,2	Sở Công Thương	2021-2022	NSNN
33	Điều tra khảo sát ảnh hưởng của nước biển dâng đối với các cụm công nghiệp ở vùng thấp trung trên địa bàn tỉnh Ưu tiên trung bình	Kế hoạch thích ứng hoạt động cụm công nghiệp đối với hiện tượng NBD.	0,2	Sở Công Thương	2020-2025	NSNN
34	Đầu tư xây dựng dự án: Đường ĐT.571 đoạn từ QL1 về xã Vĩnh Thái nối vào đường ven biển Ưu tiên trung bình	Dài 7,0km, quy mô: Đường cấp III đồng bằng (nền rộng 12,0m, mặt đường rộng 11,0m).	350	Sở Giao thông vận tải	2021-2030	NSNN; HTQT
35	Triển khai dự án Nâng cao an toàn đập (WB8) Ưu tiên trung bình	Triển khai nâng cấp các hồ chứa đảm bảo an toàn.	679	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thực hiện cho cả giai đoạn	NSNN; HTQT
36	Đầu tư xây dựng các công trình ứng phó sạt lở bờ sông, bờ biển, bao gồm: 88,9km các tuyến kè sông, kè biển tại các tuyến trọng điểm; nạo vét 62km các trục tiêu đảm bảo tiêu thoát lũ Ưu tiên trung bình	Quy hoạch thủy lợi theo lưu vực sông trong điều kiện nước biển dâng và BĐKH.	300	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thực hiện cho cả giai đoạn	NSNN; HTQT

STT	Tên nhiệm vụ và mức độ ưu tiên	Mục tiêu, kết quả chính cần đạt được	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính
37	Đầu tư nâng cấp các tuyến đê trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo nhiệm vụ ngăn mặn, giữ ngọt, chống cát bay, cát lấp, phục vụ sản xuất, an toàn công trình (46,59km) Ưu tiên trung bình	Triển khai nâng cấp các tuyến đê đảm bảo an toàn.	420	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thực hiện cho cả giai đoạn	NSNN; HTQT
38	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tỉnh Quảng Trị và đề xuất các giải pháp ứng phó Ưu tiên trung bình	- Xác định được các tác động của biến đổi khí hậu đến các yếu tố: tài nguyên nước, tài nguyên đất, nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải và sức khỏe cộng đồng; - Đề xuất được các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Quảng Trị.	1,5	Sở Tài nguyên và Môi trường	2020-2021	NSNN
39	Phục hồi và bảo tồn bền vững tài nguyên rừng ở vùng núi phía Tây của tỉnh Quảng Trị Ưu tiên trung bình	Phục hồi tài nguyên rừng, cải thiện nguồn nước ở thượng nguồn và hạ nguồn sông trong khu vực dự án và tạo lập sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số tại hai huyện Đakrông và Hướng Hóa, góp phần giảm thiểu và thích ứng với BĐKH	120	Sở Tài nguyên và Môi trường	2020-2025	NSNN; HTQT
40	Chương trình phát triển du lịch sinh thái gắn với BVMT và bảo tồn ĐDSH tại vùng miền núi tỉnh Quảng Trị Ưu tiên trung bình	- Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch sinh thái gắn với BVMT và bảo tồn ĐDSH; - Xây dựng mô hình quản lý phát triển du lịch bền vững; - Xây dựng kế hoạch hành động phát triển du lịch sinh thái gắn với BVMT và bảo tồn tỉnh ĐDSH.	2,0	Sở Tài nguyên và Môi trường	2021-2025	NST
41	Khôi phục, bảo vệ và khai thác hợp lý Bàu Thủy Ứ phục vụ sinh hoạt và sản xuất cho các xã ven biển huyện Vĩnh Linh nhằm thích ứng với BĐKH Ưu tiên trung bình	- Trồng rừng cải thiện vi khí hậu, bảo vệ nguồn nước khu vực Bàu Thủy Ứ; - Xây dựng, cải tạo hệ thống thủy lợi.	121	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thực hiện cho cả giai đoạn	NSNN; HTQT

STT	Tên nhiệm vụ và mức độ ưu tiên	Mục tiêu, kết quả chính cần đạt được	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính
42	Xây dựng thí điểm và nhân rộng mô hình nhà cộng đồng đa năng giúp người dân tỉnh Quảng Trị phòng tránh bão và lũ lụt Ưu tiên trung bình	Xây dựng mô hình nhà cộng đồng đa năng giúp người dân phòng tránh bão và lũ lụt.	100	Sở Xây dựng	2020-2025	NSNN; HTQT
43	Tăng cường khả năng ứng phó với BĐKH của hệ thống y tế, ưu tiên hệ thống y tế cơ sở Ưu tiên trung bình	- Rà soát lại các cơ sở y tế có giải pháp nhằm ứng phó với các tác động của BĐKH; - Đề xuất các phương án để trạm y tế đáp ứng một cách có hiệu quả với các tình huống thiên tai và thời tiết cực đoan.	36	Sở Y tế	2019-2030	NSNN; HTQT
44	Nghiên cứu các giải pháp bảo vệ và phục hồi các vùng, hệ sinh thái; đề xuất sử dụng các vùng đất trũng với mục đích tăng không gian chứa lũ và khả năng tích trữ nước gắn với tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, tạo cảnh quan sinh thái đô thị. Đồng thời nghiên cứu đề xuất các vị trí tiềm năng xây dựng hồ chứa nước đa mục tiêu quy mô nhỏ (dung tích <100.000 m3) vùng phía tây thành phố để điều tiết lũ vào mùa mưa và tăng khả năng chống hạn vào mùa khô. Ưu tiên trung bình	- Xác định vùng, hệ sinh thái bị dễ bị tổn thương; - Xác định vị trí tiềm năng xây dựng các hồ chứa nước ngọt đa mục tiêu quy mô nhỏ vùng phía tây thành phố phục vụ SXNN, sinh hoạt, PCCC, điều hòa khí hậu, tạo cảnh quan,...	100	UBND thành phố Đông Hà	2020-2025	NSNN; HTQT
45	Đánh giá tác động của BĐKH đến hệ sinh thái ven biển Ưu tiên trung bình	- Đánh giá được tác động của BĐKH đến các hệ sinh thái chính ven biển; - Định hướng UP BĐKH cho hệ sinh thái ven biển	5,0	UBND huyện Hải Lăng	2021-2022	NSNN

STT	Tên nhiệm vụ và mức độ ưu tiên	Mục tiêu, kết quả chính cần đạt được	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính
46	Điều tra đánh giá khả năng xâm nhập mặn của hạ lưu sông Bến Hải ảnh hưởng đến nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp Ưu tiên trung bình	Đánh giá khả năng xâm nhập mặn, đề xuất các giải pháp đối với sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản	1,0	UBND huyện Vĩnh Linh	2021-2030	NSNN; HTQT
47	Đầu tư xây dựng dự án: Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây Ưu tiên thấp	Cấp đường: Cấp IV miền núi; Vận tốc thiết kế $V_{tk}=40\text{km/h}$; Mặt cắt ngang: Nền đường rộng 7,5m, mặt đường và lề gĩa có rộng 5,5m, lề đất rộng 1m x 2bên. Tần suất thiết kế: Đường, công và cầu nhỏ $P=4\%$, tràn $P=10\%$. Tải trọng thiết kế: Nền, mặt đường: Trục xe 120kN, công trình cầu, cống: HL93; Kết cấu áo đường: Áo đường mềm bê tông nhựa cấp cao A1 và áo đường cứng bằng BTXM; Môđun đàn hồi yêu cầu $E_{vc} \geq 120\text{MPa}$.	520	Sở Giao thông vận tải	2021-2030	NSNN; HTQT
48	Đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư nâng cấp các tuyến đường tỉnh: ĐT.575a, ĐT.575b, ĐT.576, ĐT.578, ĐT.582, ĐT.585, ĐT.588a Ưu tiên thấp	Đường dài 103,0km; quy mô: Đường cấp III đồng bằng, đường cấp IV đồng bằng.	1.570	Sở Giao thông vận tải	2021-2030	NSNN; HTQT
49	Đầu tư xây dựng dự án: Quốc lộ 15D, đoạn từ đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn đến đường Hồ Chí Minh nhánh Tây Ưu tiên thấp	Đường dài 34km; Quy mô: Đường cấp IV miền núi; nền rộng 7,5m, mặt đường rộng 5,5m.	1.790	Sở Giao thông vận tải	2021-2030	NSNN; HTQT
50	Đầu tư xây dựng dự án: Bến số 4 bờ Bắc và các bến bờ Nam cảng Cửa Việt Ưu tiên thấp	Đầu tư xây dựng công trình đảm bảo cho tàu ra vào cảng được thuận lợi, nhằm góp phần phát triển kinh tế, xã hội.	800	Sở Giao thông vận tải	2021-2030	NSNN; HTQT

STT	Tên nhiệm vụ và mức độ ưu tiên	Mục tiêu, kết quả chính cần đạt được	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính
51	Đầu tư xây dựng dự án: Đường ven biển tỉnh Quảng Trị đoạn từ thôn Mạch nước đến cầu Cửa Việt Ưu tiên thấp	Dài 37,7km, quy mô: Đường cấp III đồng bằng (nền rộng 12,0m, mặt đường rộng 11,0m).	1.900	Sở Giao thông vận tải	2021-2030	NSNN; HTQT
52	Đầu tư xây dựng dự án: Đường quốc lộ 49C, đoạn từ cầu Cửa Việt đến thị xã Quảng Trị Ưu tiên thấp	Dài 18km, quy mô: Đường cấp III đồng bằng (nền rộng 12,0m, mặt đường rộng 11,0m).	650	Sở Giao thông vận tải	2021-2030	NSNN; HTQT
III	Nâng cao năng lực (10 NV)					
53	Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BDKH và TTX trong các trường học Ưu tiên cao	Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức về BDKH và TTX trong các trường học trên địa bàn tỉnh.	1,0	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thực hiện cho cả giai đoạn	NST; DN; CĐ
54	Tăng cường đàm phán, vận động các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài (PCPNN) tài trợ các dự án thích ứng với BDKH Ưu tiên cao	Vận động 20 dự án PCPNN thuộc lĩnh vực thích ứng với BDKH.	9,2	Sở Ngoại vụ	2021-2030	NSNN; HTQT
55	Truyền thông nâng cao nhận thức về BDKH cho bộ máy quản lý các cấp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Ưu tiên cao	Nâng cao nhận thức về BDKH cho bộ máy quản lý các cấp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.	1,5	Sở Tài nguyên và Môi trường	2020-2022	NSNN; HTQT
56	Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Khí tượng thế giới và Chiến dịch Giờ Trái Đất Ưu tiên cao	Nâng cao nhận thức về KTTV & BDKH cho cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.	0,5	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thực hiện cho cả giai đoạn	NSNN

STT	Tên nhiệm vụ và mức độ ưu tiên	Mục tiêu, kết quả chính cần đạt được	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính
57	Tổ chức lòng ghép tuyên truyền, tập huấn về BDKH, Thỏa thuận Paris về BDKH trong cộng đồng. Ưu tiên cao	Nhận thức của cộng đồng về BDKH và TT Paris được nâng lên.	0,5	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thực hiện cho cả giai đoạn	NSNN; CE
58	Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, vận động, giáo dục nâng cao nhận thức về ứng phó với BDKH mà Việt Nam là thành viên Ưu tiên cao	Góp phần làm thay đổi phương thức canh tác nông nghiệp của người dân, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp xanh, ít phát thải, đảm bảo phát triển bền vững, an ninh lương thực. Xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.	1,0	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thực hiện cho cả giai đoạn	NST; DN; CE
59	Tuyên truyền nâng cao nhận thức về thực hiện Thỏa thuận Paris Ưu tiên cao	Thường xuyên có các tin, bài, chuyên trang, chuyên mục phong phú, chất lượng về Thỏa thuận Paris về BDKH trên sóng phát thanh, truyền hình và báo .	1,0	Sở Thông tin và Truyền thông	2020-2022	NSNN; HTQT
60	Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức và năng lực ứng phó BDKH cho cán bộ quản lý, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đông Hà Ưu tiên cao	Nâng cao nhận thức, năng lực quản lý, điều hành của cán bộ, doanh nghiệp và nhân dân về ứng phó với BDKH.	0,5	UBND thành phố Đông Hà	2020-2021	NSNN; HTQT; XHH
61	Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức về ứng phó BDKH cho cán bộ quản lý, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn huyện Vĩnh Linh Ưu tiên cao	Nâng cao nhận thức, năng lực quản lý, điều hành của cán bộ, doanh nghiệp và nhân dân về ứng phó với BDKH.	0,5	UBND huyện Vĩnh Linh	2020-2021	NSNN; HTQT; XHH

STT	Tên nhiệm vụ và mức độ ưu tiên	Mục tiêu, kết quả chính cần đạt được	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính
62	Tổ chức lồng ghép tập huấn cho cán bộ y tế về kiến thức, kỹ năng thống kê báo cáo các tổn thất về tình hình sức khỏe, cơ sở vật chất hệ thống y tế... khi có thiên tai, thảm họa xảy ra. Ưu tiên trung bình	Nâng cao nhận thức, năng lực cho cán bộ phụ trách về BDKH tại các cơ quan.	22	Sở Y tế	Thực hiện cho cả giai đoạn	NSNN; HTQT
	Tổng kinh phí		10.350,24			

Bảng chữ: Mười nghìn, ba trăm năm mươi tỷ, hai trăm bốn mươi triệu đồng